

Bản án số: 01/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 30/01/2018
V/v : Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toà phiên toà: Bà Lê Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lê Văn Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Lê Thanh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Minh Phương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 30/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2017/TLST – HNGĐ ngày 04/12/2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXX – ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973
Nơi cư trú: Thôn 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa(vắng mặt).
2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1978 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn 12, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/11/2017 và bản tự khai ngày 09/01/2018 anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đ tự nguyện kết hôn với nhau, được hai gia đình nội ngoại nhất trí tổ chức cưới vào ngày 11 tháng 6 năm 1998 nhưng không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian sau khi kết hôn, anh và chị Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xảy ra xung đột và từ năm 2014 vợ chồng sống ly thân nhau đến nay không quan tâm đến nhau, tình cảm không còn nên nay anh yêu cầu được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có hai con chung: Nguyễn Thị Minh A, sinh ngày 07/9/1998 (cháu đã trưởng thành và tự lập) và Nguyễn Văn A, sinh ngày

29/10/2004. Từ trước đến nay anh đang trực tiếp nuôi cháu, nay ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu A và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con chung, còn chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hay không là tùy chị Đ.

Về tài sản: Anh và chị Đ không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2018, chị Đ trình bày thống nhất với anh Đ về các quan hệ Hôn nhân, con chung, tài sản như anh Đ đã trình bày, chị nhất trí ly hôn và yêu cầu được nuôi cháu A, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ. Nếu anh Đ có nguyện vọng được nuôi cháu A, chị sẽ nhường cho anh Đ nuôi dưỡng và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi, chị cũng không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Tại biên bản hòa giải (về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con) ngày 09/01/2018, anh Đ và chị Đ đã thỏa thuận: Anh Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn A, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ, kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Ngày 17/01/2018 anh Đ và chị Đ có đơn đề nghị toà án xét xử vắng mặt .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].**Về tố tụng:** Anh Đ, chị Đ là các nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt – Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].**Về hôn nhân:** Anh Đ, chị Đ kết hôn vào ngày 11 tháng 6 năm 1998 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn là trái với quy định tại khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân và gia đình vì vậy căn cứ Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ.

[3].**Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:** Anh Đ, chị Đ thống nhất: Anh chị có hai con chung là: Nguyễn Thị Minh A (đã trưởng thành và tự lập) và Nguyễn Văn A, anh Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, anh chị đã thỏa thuận vào ngày 09/01/2018: Anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi cháu A, chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 01 năm 2018 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Xét thấy sự thỏa thuận của anh Đ và chị Đ là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu A muốn ở với anh Đ nên HĐXX chấp nhận tự nguyện của các bên là phù hợp.

[4].**Về tài sản:** Anh Đ và chị Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí ly hôn ST, chị Đ phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 - Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Điều 243; Khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Về hôn nhân: Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ.

Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Nguyễn Thị Đ: Giao cháu Nguyễn Văn A, sinh ngày 29/10/2004 cho anh Nguyễn Văn Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Văn A mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 01/2018 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST anh Đ đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0001053 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Anh Nguyễn Văn Đ đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Đ phải nộp 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng định kỳ.

Các Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, huyện Q;
- THA Quảng Xương để thi hành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Cúc

